

Bản án số: 429/2026/DS-PT

Ngày: 24 - 4 - 2026

V/v: tranh chấp hợp đồng chuyển
nhượng quyền sử dụng đất và hợp
đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Chi

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Lương

Ông Lâm Triệu Hữu

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Nguyễn Yến Phương – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Ngọc Phấn - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 908/2025/TLPT-DS ngày 29/12/2025 về “*Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 126/2025/DS-ST ngày 15/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 76/2026/QĐXXPT-DS ngày 14/01/2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: ông Nguyễn Thành N, sinh năm 1990, nơi cư trú: số nhà C, khóm T, phường T, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: anh Nhan Minh H, nơi cư trú: khu V, phường V, thành phố Cần Thơ, theo giấy ủy quyền ngày 14/4/2025, có mặt.

- Bị đơn:

1. Bà Lê Mã Mộng T, sinh năm 1976, nơi cư trú: ấp P, thị trấn V, xã T, tỉnh Vĩnh Long, vắng mặt.

2. Ông Lâm Trung D, sinh năm 1974, nơi cư trú: số A, đường A, phường T, tỉnh Vĩnh Long, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* bà Phạm Thùy L, sinh năm 1990, nơi cư trú: số nhà C, khóm T, phường T, tỉnh Vĩnh Long, vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* bị đơn ông Lâm Trung D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 14 tháng 4 năm 2025 của ông Nguyễn Thành N và trong quá trình giải quyết vụ án anh Nhan Minh H là người đại diện theo uỷ quyền của ông N trình bày:

Do nhu cầu vay vốn, nên ông N có vay của bà T số tiền 150.000.000 đồng, lãi suất 3% tháng, thời hạn vay 01 năm, để đảm bảo việc vay tiền thì ông N có ký Hợp đồng uỷ quyền cho bà T đối với thửa đất số 103; tờ bản đồ số 12; tọa lạc tại ấp T, phường T, thành phố V (nay là phường T), tỉnh Vĩnh Long. Từ khi vay đến nay thì ông N trả lãi đầy đủ, đến ngày 10/3/2025 ông N có liên hệ với bà T để trả số tiền 150.000.000 đồng và chuộc lại đất, nhưng bà T hẹn đến ngày 05/4/2025 sẽ cho ông N chuộc lại đất, đến ngày 05/4/2025 ông N liên hệ với bà T thì bà T hẹn tiếp, sau đó thì ông N biết được bà T đã chuyển nhượng thửa đất nói trên cho ông Lâm Trung D và ông D đã được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ ngày 21/01/2025.

Nay ông N yêu cầu: Vô hiệu Hợp đồng uỷ quyền ngày 05/11/2024 giữa ông N và bà T đối với thửa đất số 103; tờ bản đồ số 12; tọa lạc tại khóm T, phường T, thành phố V (nay là phường T), tỉnh Vĩnh Long; Vô hiệu Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ ngày 23/12/2024 giữa ông Nguyễn Thành N (do bà T đại diện) ký với ông Lâm Trung D đối với thửa đất nêu trên; Yêu cầu hủy giấy chứng nhận QSDĐ đã cấp cho ông D.

Trên đất hiện nay có căn nhà cấp 04 do ông N đang ở, không có cây trồng; hiện nay ông N và vợ ông N sinh sống tại thửa đất nêu trên; vợ ông N tên Phạm Thùy L, sinh năm 1990; con còn nhỏ (06 tuổi), số nhà C, khóm T, phường T, thành phố V (nay là phường T), tỉnh Vĩnh Long. Do đó, ông N không yêu cầu xem xét, thẩm định tại chỗ.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Lâm Trung D trình bày:

Ngày 23/12/2024 ông có nhận chuyển nhượng thửa đất số 103; tờ bản đồ số 12; tọa lạc tại khóm T, phường T, thành phố V (nay là phường T), tỉnh Vĩnh Long, do bà Lê Mã Mộng T được ông Nguyễn Thành N uỷ quyền ký kết hợp đồng chuyển nhượng, giá chuyển nhượng là 290.000.000 đồng, khi ký hợp đồng xong ông đã thanh toán đủ số tiền cho bà T tại Phòng công chứng Nguyễn Thị Ngọc D1, bà T hẹn ông sau 01 tháng sẽ giao tài sản, sau khi ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông định thế chấp ngân hàng vay vốn, nhưng khi ngân hàng đến thẩm định thì ông N đứng ra ngăn cản. Ông D yêu cầu ông N

di dời tài sản và giao quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất cho ông theo đúng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông và ông N, do bà T đại diện ký.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Lê Mã Mộng T trình bày:

Ông N có vay tiền của bà số tiền 150.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng, từ ngày 05/11/2024, ông N có đóng lãi đến 05/3/2025 (tổng cộng số tiền 17.500.000 đồng), ông N có yêu cầu trả 150.000.000 đồng để chuộc lại giấy đất, nhưng bà hẹn lại ngày 05/4/2025, đến ngày 05/4/2025 bà chưa trả được giấy cho ông N, vì giấy bà đã cầm cho chị Cao Phương A để vay số tiền 270.000.000 đồng, lãi suất 7%/tháng (Cao Phương A, sinh năm 1974; địa chỉ: Số B, Khóm A, phường P, tỉnh Vĩnh Long), đóng lãi từ tháng 11/2024 đến tháng 02/2025, trước đó vào tháng 01/2025 chị Phương A yêu cầu xóa chuyển nhượng giữa bà và chị Phương A để ký chuyển nhượng qua cho ông Lâm Trung D, đến tháng 02 năm 2025 thì biết được ông D đã sang tên, nên đến nay bà chưa trả được giấy chứng nhận đất cho ông N.

Nay bà đồng ý với yêu cầu của ông N, vô hiệu hợp đồng và trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông N; nhận tiền do ông N trả 150.000.000 đồng, đồng ý trả tiền cho ông D 290.000.000 đồng, đề nghị ông D trả lại giấy đất sang tên trả lại cho ông N.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thùy L thống nhất với ý kiến của nguyên đơn, không có yêu cầu gì khác.

* Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 126/2025/DS-ST ngày 15/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Vĩnh Long đã quyết định:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành N. Vô hiệu Hợp đồng ủy quyền ngày 05/11/2024 giữa ông Nguyễn Thành N và bà Lê Mã Mộng T, đối với thửa đất số 103; tờ bản đồ số 12; tọa lạc tại khóm T, phường T, thành phố V (nay là phường T), tỉnh Vĩnh Long, số công chứng 14565; Vô hiệu Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ ngày 23/12/2024 giữa ông Nguyễn Thành N (do bà Lê Mã Mộng T đại diện) ký với ông Lâm Trung D đối với thửa đất số 103; tờ bản đồ số 12; tọa lạc tại khóm T, phường T, thành phố V (nay là phường T), tỉnh Vĩnh Long, số công chứng 9830.

- Buộc ông Lâm Trung D và bà Lê Mã Mộng T trả lại cho ông Nguyễn Thành Nhân bản C Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 103; tờ bản đồ số 12; tọa lạc tại khóm T, phường T, thành phố V (nay là phường T), tỉnh Vĩnh Long.

- Ông Nguyễn Thành N được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật.

- Buộc ông Nguyễn Thành N trả cho bà Lê Mã Mộng T số tiền 150.000.000 đồng (*một trăm năm mươi triệu đồng*).

- Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Lâm Trung D. Buộc bà Lê Mã Mộng T trả cho ông Lâm Trung D số tiền 290.000.000 đồng (*hai trăm chín mươi triệu đồng*).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về lãi chậm thi hành án, chi phí tố tụng; án phí sơ thẩm; quyền, nghĩa vụ liên quan đến thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 26/9/2025, bị đơn ông Lâm Trung D kháng cáo yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của ông: Yêu cầu ông Nguyễn Thành N là chủ tài sản và bà Lê Mã Mộng T là người được ủy quyền toàn quyền quyết định phải di dời tài sản trong nhà và giao tài sản nhà đất tại thửa đất số 103, tờ bản đồ số 12, diện tích 110,1m² đất ở nông thôn (nay là đất ở đô thị), tại ấp T, xã T (nay là khóm T, phường T), thành phố V, tỉnh Vĩnh Long cho ông D theo đúng Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đã ký kết.

* Tại phiên tòa phúc thẩm,

Ông Lâm Trung D trình bày: yêu cầu ông N và bà T phải giao căn nhà và đất tại thửa đất số 103, tờ bản đồ số 12, diện tích 110,1m² đất ở, tại khóm T, phường T, tỉnh Vĩnh Long cho ông, trong trường hợp Tòa án tuyên bố vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thì ông yêu cầu ông N và bà T cùng có nghĩa vụ liên đới trả lại cho ông số tiền chuyển nhượng đất 300.000.000 đồng, không yêu cầu bồi thường thiệt hại, ông tự nguyện chịu toàn bộ chi phí định giá tại cấp phúc thẩm.

Người đại diện hợp pháp của ông N không đồng ý yêu cầu kháng cáo của ông D, ông N chỉ đồng ý trả cho bà T 150.000.000 đồng như án sơ thẩm đã tuyên.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng đã thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật tố tụng.

Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông D buộc ông N và bà T liên đới trả cho ông D 300.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 15/9/2025 Tòa án nhân dân khu vực 1 - Vĩnh Long tuyên án sơ thẩm đến ngày 26/9/2025 ông Lâm Trung D có đơn kháng cáo là còn trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự

và thực hiện các thủ tục kháng cáo hợp lệ nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Ông Nguyễn Thành N đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 103, tờ bản đồ số 12, diện tích 110,1m², tại ấp K, phường T, tỉnh Vĩnh Long. Ngày 05/11/2024, ông N lập văn bản ủy quyền cho bà Lê Mã Mộng T thực hiện các quyền của chủ sử dụng đất trong đó có quyền được giao kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất 103 nêu trên. Ngày 23/12/2024 bà T đại diện ông N ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất 103 cho ông Lâm Trung D với giá 300.000.000 đồng, ông D đã được Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 21/01/2025. Tại thời điểm ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thì trên thửa đất này có tồn tại căn nhà của ông N. Đây là những tình tiết sự kiện được các đương sự thống nhất thừa nhận nên không cần phải chứng minh.

[3] Xét hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông N do bà T đại diện ký kết với ông D, mặc dù bảo đảm về mặt hình thức tuy nhiên, tại thời điểm giao kết trên thửa đất này có tồn tại căn nhà của ông N nhưng các bên không có thỏa thuận chuyển nhượng căn nhà trên đất, nay ông N không đồng ý giao nhà và đất cho ông D. Như vậy, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất có đối tượng không thực hiện được nên bị vô hiệu theo quy định tại Điều 408 Bộ luật Dân sự năm 2015. Lỗi dẫn đến hợp đồng vô hiệu là do cả hai bên, bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng đều có lỗi ngang nhau. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất do bà T đại diện ông N ký kết với ông D là đúng quy định.

[4] Giải quyết hậu quả của giao dịch dân sự vô hiệu: Theo quy định tại điều 131 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì, giao dịch dân sự vô hiệu không làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của các bên kể từ thời điểm giao dịch được xác lập, các bên khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau những gì đã nhận, bên có lỗi gây thiệt hại thì phải bồi thường.

[5] Như nhận định tại mục [3], hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất do bà T đại diện ông N ký kết với ông D bị vô hiệu. Ông D chưa nhận đất nên không buộc giao trả đất, bà T đại diện ông N đã nhận của ông D 300.000.000 đồng tiền chuyển nhượng đất nên ông N phải có nghĩa vụ liên đới cùng bà T trả lại cho ông D 300.000.000 đồng, bởi lẽ: do ông N ký hợp đồng ủy quyền cho bà T nên bà T mới ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông D, việc bà T ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông D không vượt quá phạm vi ủy quyền. Theo khoản 2 Điều 567 Bộ luật dân sự thì “nghĩa vụ của bên ủy quyền là phải chịu trách nhiệm về cam kết do bên được ủy quyền thực hiện”. Như vậy, ông N cũng phải có nghĩa vụ giải quyết hậu quả giao dịch vô hiệu với ông D. Tòa án cấp sơ thẩm không buộc ông N có nghĩa vụ cùng bà T trả lại tiền chuyển nhượng đất cho ông D mà buộc ông N trả cho bà T 150.000.000 đồng, buộc bà T trả cho ông D 290.000.000 đồng là không phù hợp, gây thiệt hại đến quyền của ông D. Trường hợp này xác định được trách nhiệm liên đới theo phần, trong đó phần trách nhiệm của ông N là 150.000.000

đồng vì ông N thừa nhận có nhận của bà T 150.000.000 đồng, còn lại 150.000.000 đồng là trách nhiệm của bà T.

Do đó, không buộc ông N trả cho bà T 150.000.000 đồng, bà T trả cho ông D 290.000.000 đồng như án sơ thẩm đã tuyên mà sửa án sơ thẩm theo hướng: buộc ông N và bà T có nghĩa vụ liên đới trả lại cho ông D 300.000.000 đồng tiền chuyển nhượng đất (trong đó phần trách nhiệm của ông N là 150.000.000 đồng, phần trách nhiệm của bà T là 150.000.000 đồng).

Ngoài ra, tại phần quyết định của bản án sơ thẩm tuyên buộc ông D và bà T trả lại cho ông Nhân bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 103, tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại khóm T, phường T, tỉnh Vĩnh Long là không cần thiết vì khi Tòa án tuyên bố vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông N (do bà T đại diện) ký với ông D thì ông N có quyền, nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền đăng ký biến động đất đai theo quy định. Do đó, cần sửa án sơ thẩm không tuyên phần này. Ông D không yêu cầu giải quyết vấn đề bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không xem xét. Ghi nhận sự tự nguyện của ông D về việc chịu toàn bộ chi phí định giá tại cấp phúc thẩm 1.400.000 đồng.

Từ những phân tích trên, xét kháng cáo của ông D có căn cứ chấp nhận.

[6] Án phí sơ thẩm: do sửa án sơ thẩm nên tính lại án phí sơ thẩm, buộc bà T và ông N liên đới chịu 15.000.000 đồng (trong đó phần nghĩa vụ của ông N là 7.500.000 đồng, phần nghĩa vụ của bà T là 7.500.000 đồng), buộc ông D chịu 300.000 đồng tiền án phí không giá ngạch.

[7] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên ông D không phải chịu án phí phúc thẩm.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lâm Trung D.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 126/2025/DS-ST ngày 15/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Vĩnh Long.

Áp dụng các điều 131, 288, 408, 468, 567 của Bộ luật Dân sự; các điều 26, 31, 131 Luật đất đai 2024, các điều 26, 27, 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành N, chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Lâm Trung D.

1.1 Tuyên bố vô hiệu Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 23/12/2024 giữa ông Nguyễn Thành N (do bà Lê Mã Mộng T đại diện) ký với

ông Lâm Trung D đối với thửa đất số 103, tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại khóm T, phường T, tỉnh Vĩnh Long.

Ông Nguyễn Thành N có quyền, nghĩa vụ đăng ký biến động đất đai theo quy định của pháp luật.

1.2 Buộc ông Nguyễn Thành N và bà Lê Mã Mộng T có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Lâm Trung D 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng), trong đó nghĩa vụ liên đới theo phần của ông Nguyễn Thành N là 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng), nghĩa vụ liên đới theo phần của bà Lê Mã Mộng T là 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Chi phí tố tụng: tại cấp phúc thẩm 1.400.000 đồng (một triệu bốn trăm ngàn đồng) ông D tự nguyện chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng do ông D nộp. Ông D đã nộp đủ chi phí tố tụng.

3. Án phí sơ thẩm:

Buộc ông Nguyễn Thành N và bà Lê Mã Mộng T liên đới chịu 15.000.000 đồng (trong đó phần nghĩa vụ của ông N là 7.500.000 đồng, phần nghĩa vụ của bà T là 7.500.000 đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 4.050.000 đồng theo biên lai thu số 0007884 ngày 21/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long (nay là Thi hành án dân sự khu vực 1- Vĩnh Long). Ông N và bà T còn phải nộp thêm 10.950.000 đồng (mười triệu chín trăm năm chục ngàn đồng)

Buộc ông Lâm Trung D chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 3.250.000đ theo biên lai thu số 0007915 ngày 19/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long (nay là Thi hành án dân sự khu vực 1- Vĩnh Long). Ông D được hoàn lại 2.950.000 đồng (hai triệu chín trăm năm chục ngàn đồng).

4. Về án phí phúc thẩm: hoàn trả ông Lâm Trung D 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số **0003427 ngày 29/9/2025** của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 -Vĩnh Long.

5. Phần khác của bản án sơ thẩm như: Vô hiệu Hợp đồng ủy quyền ngày 05/11/2024 giữa ông Nguyễn Thành N và bà Lê Mã Mộng T, không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết lại, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a,

7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tối cao;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- TAND khu vực 1-Vĩnh Long;
- Phòng THADS khu vực 1-VL;
- VP TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Đương sự; Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Chi